CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Hòa Bình Takara

Ngày 30/06/2025	17,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.6%	-	-

DT thuần
Q2/25
14.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.70| 33.3%
YoY: ▲ 14.7|

LN thuần
Q2/25
0.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.15| 119%
YoY: ▲ 0.48| 242%

LN sau thuế
Q2/25
0.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.13| 128%
YoY: ▲ 0.43| 214%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
1.9%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM)
Q2/25
0.6%
YoY: +/-▲ 0.3%

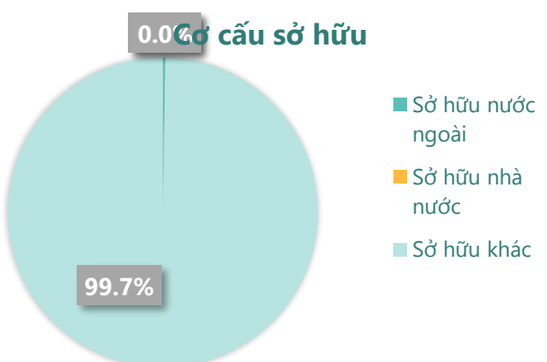
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,900 - 42,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	212
Số lượng CPLH (CP)	12,099,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	161,615
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.43
EPS	68
P/E	256.6

DT thuần
6T 2025
25.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.0| 3528%

LN thuần
6T 2025
0.41
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.59| 333%

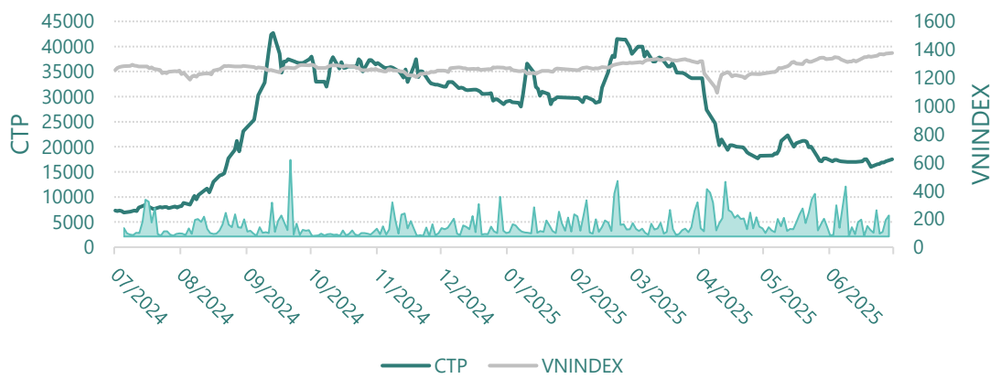
LN sau thuế
6T 2025
0.33
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.51| 286%

Cơ cấu sở hữu

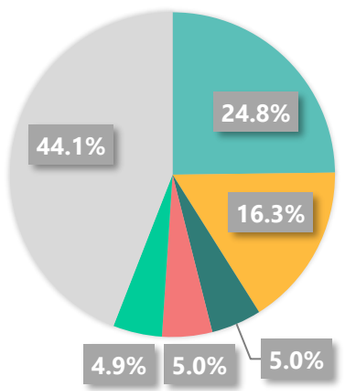


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

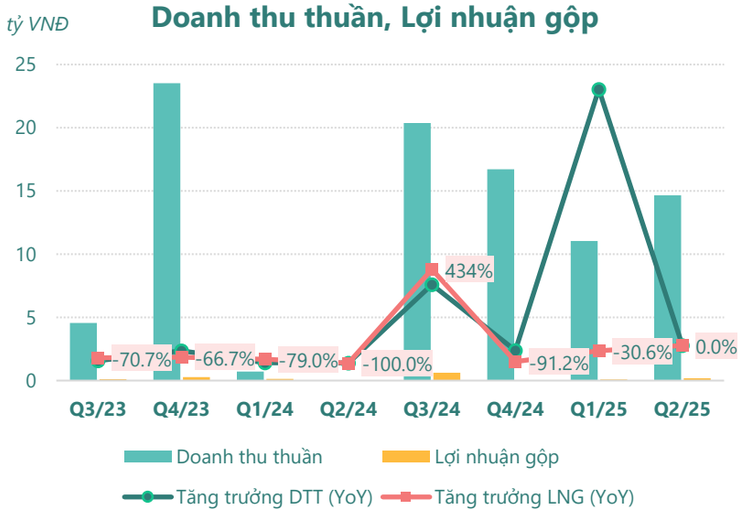


- Trần Công Thành (Chủ tịch HĐQT)
- Dương Văn Tịnh (Tổng giám đốc)
- Võ Thiện Tâm
- Đinh Văn Anh Tuấn
- Lê Minh Tân
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

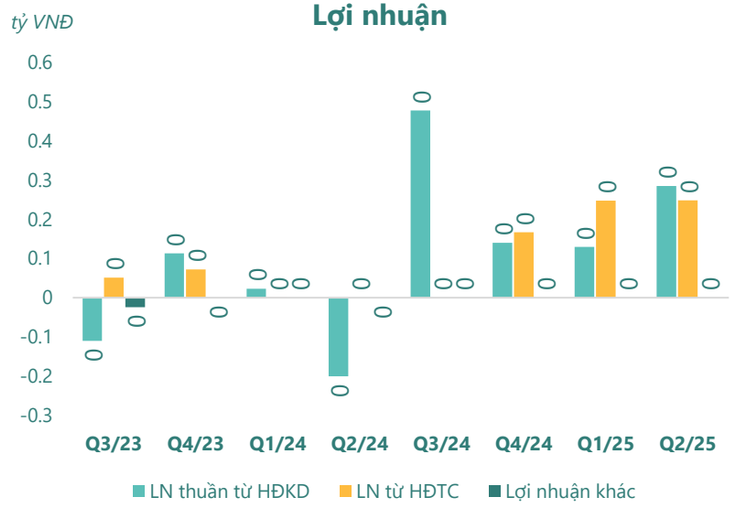
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



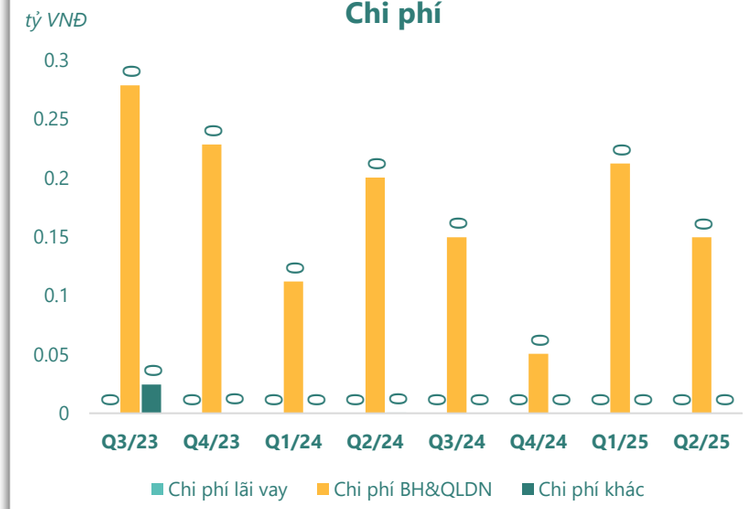
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



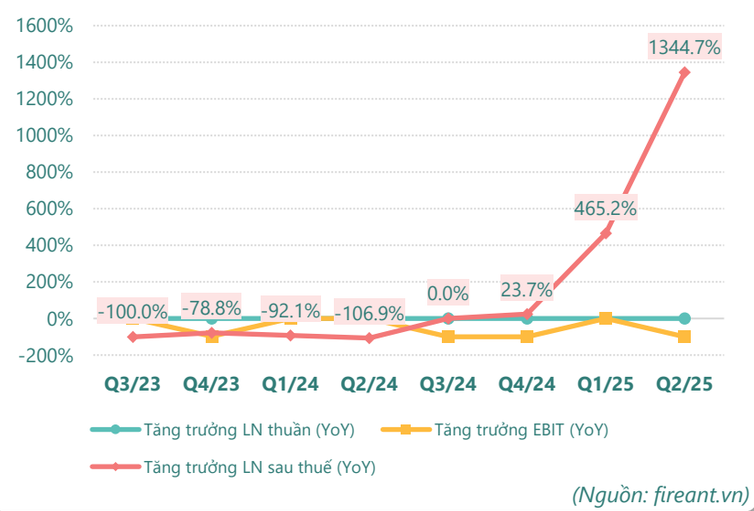
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



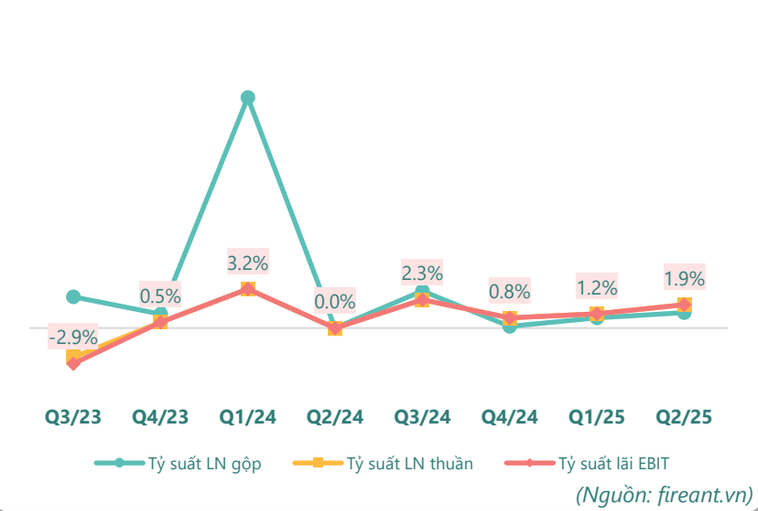
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



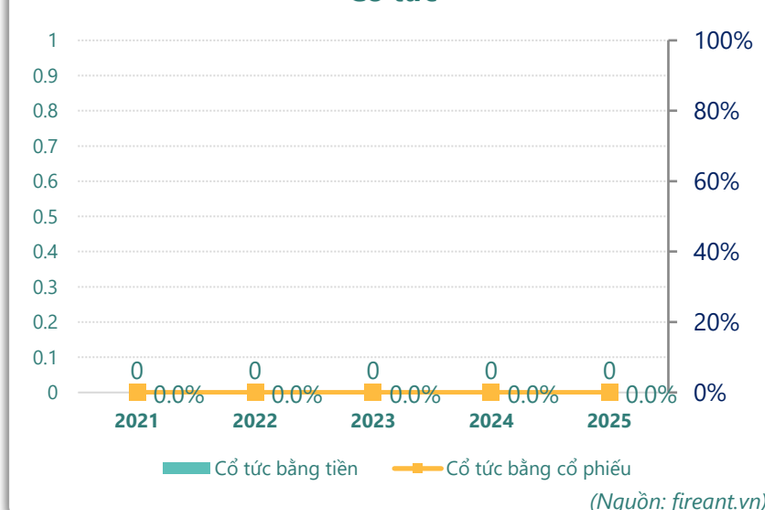
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

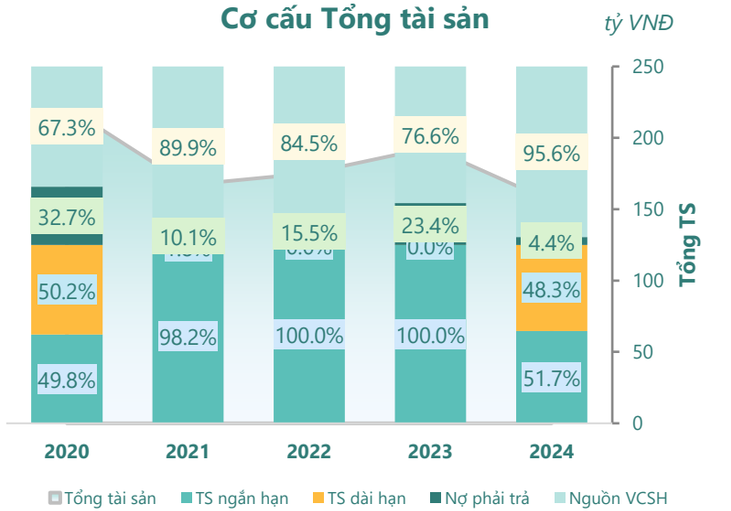
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

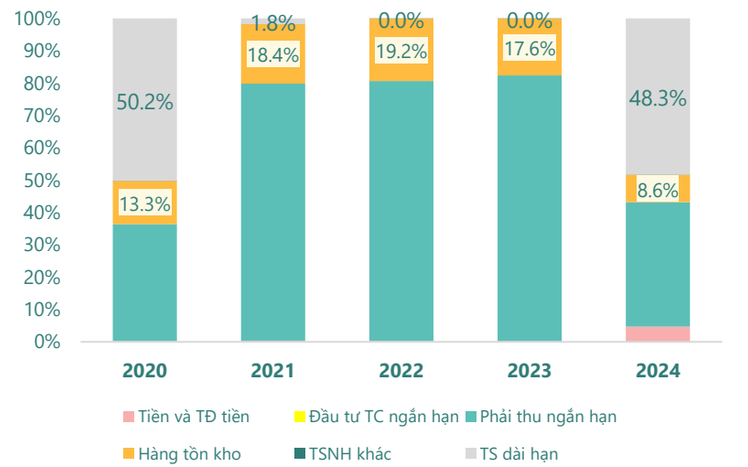
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



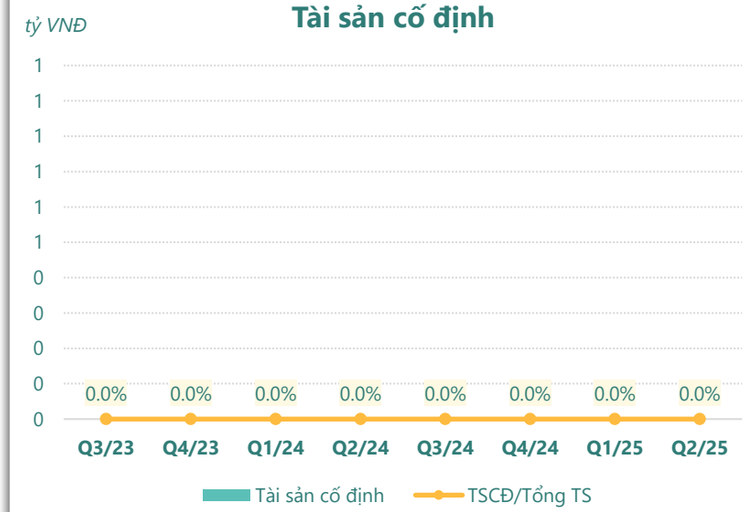
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



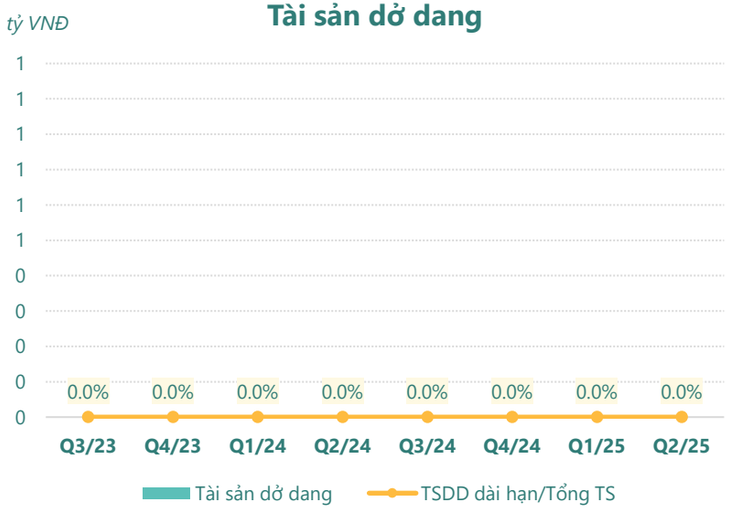
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



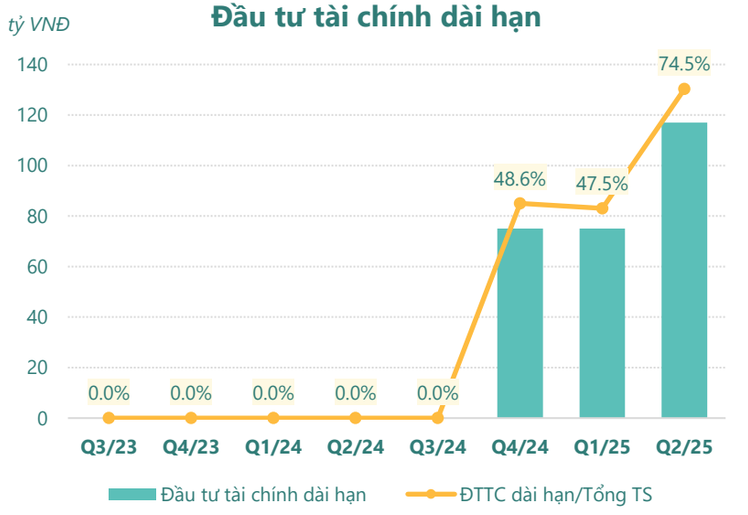
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



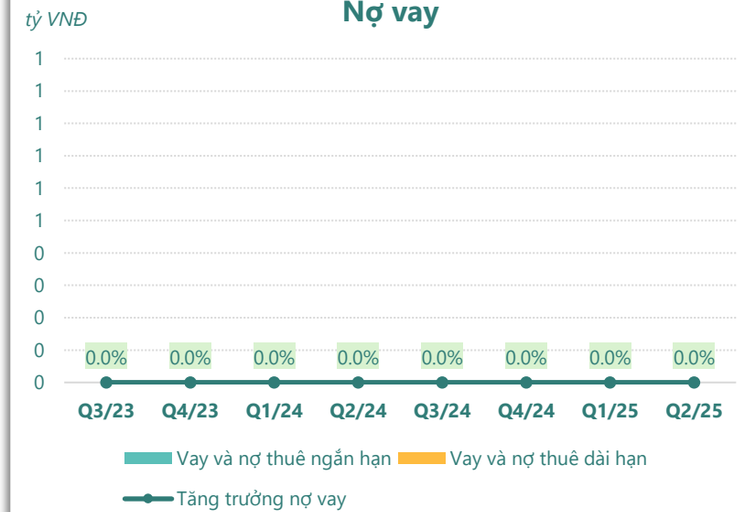
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

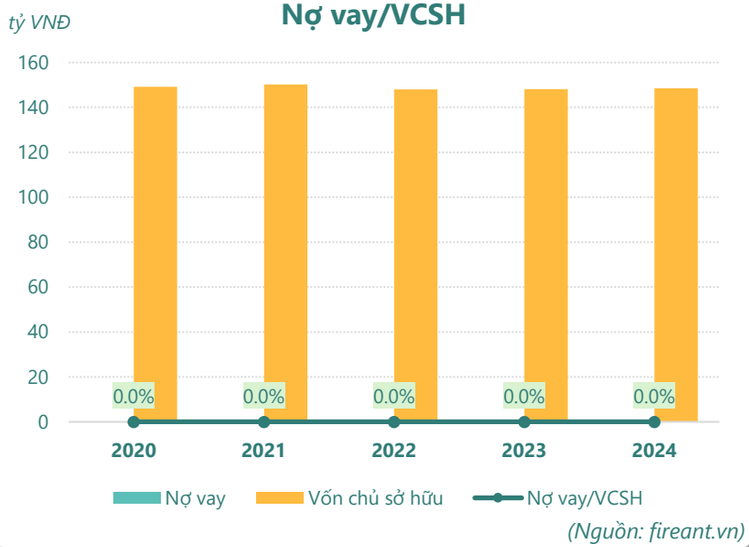
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

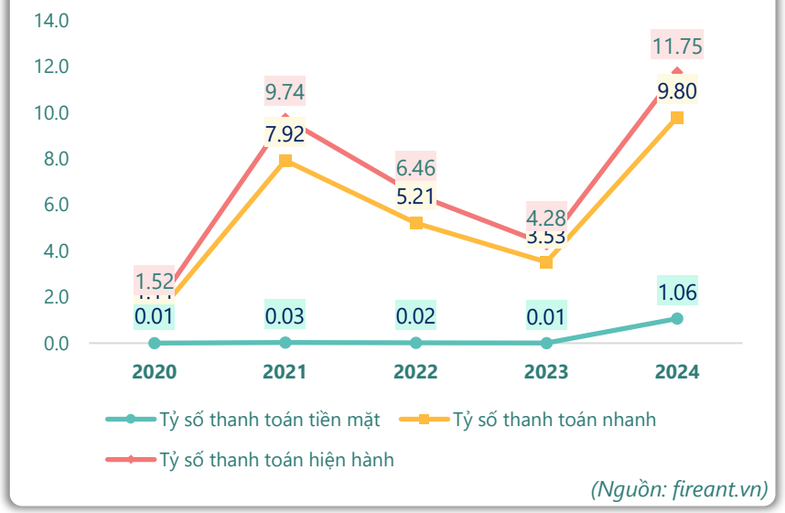
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



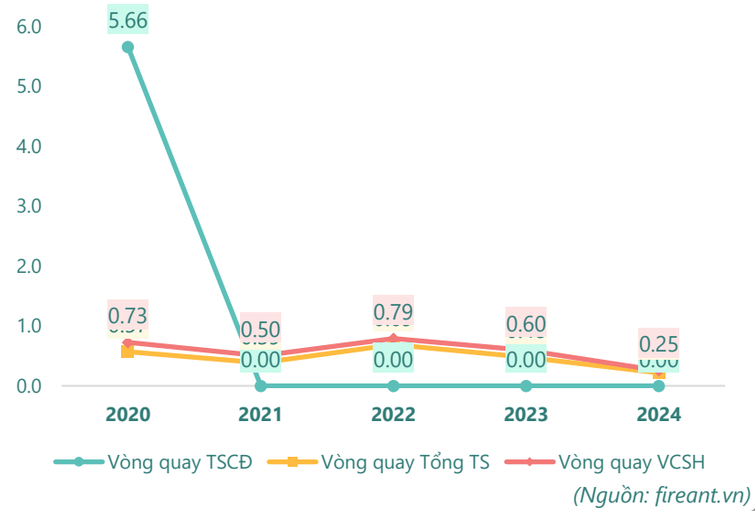
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



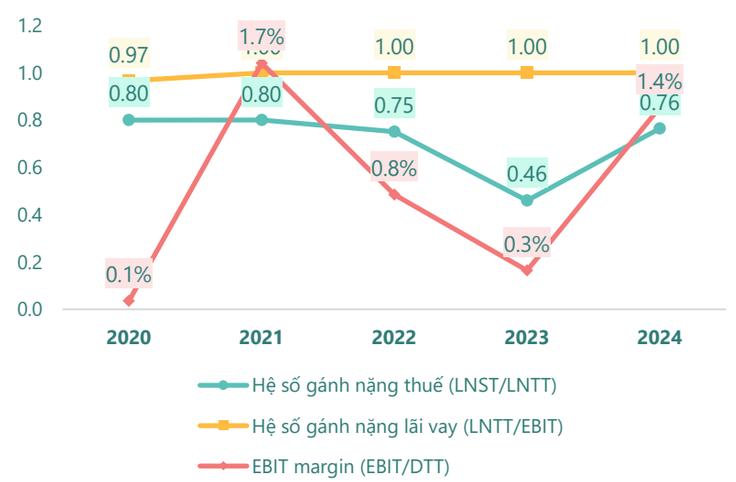
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



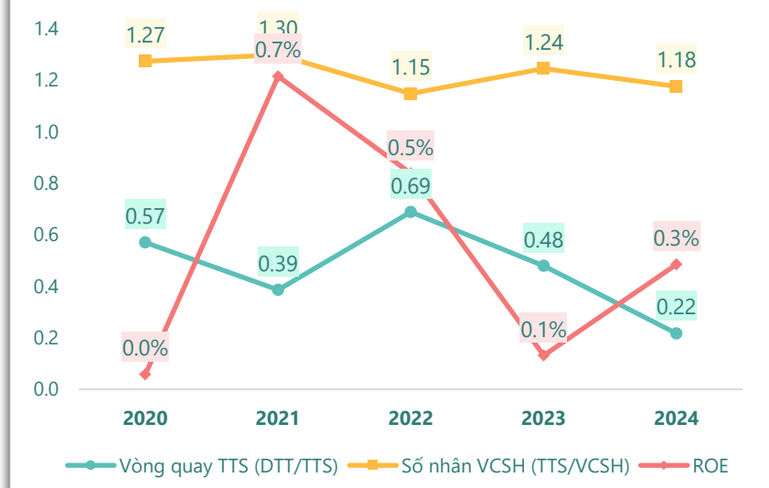
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



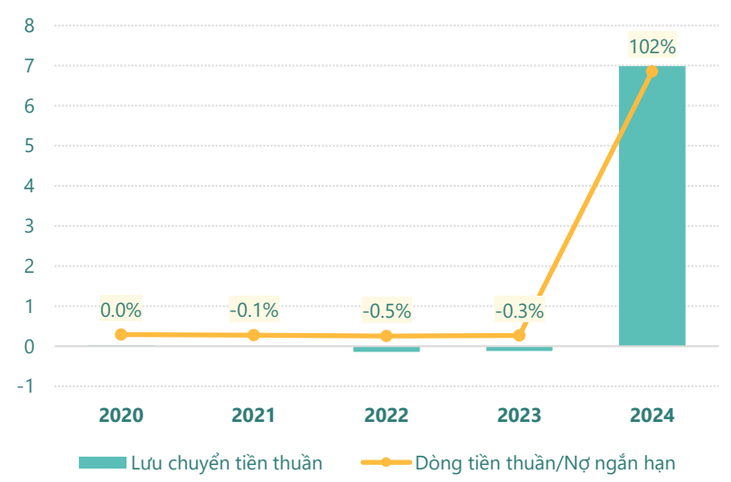
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**14.7**	**0.00**		**25.7**	**0.71**	**3528%**
Giá vốn hàng bán	14.5	0.00		25.4	0.57	4334%
Lợi nhuận gộp	0.19	0.00		0.28	0.14	107%
Doanh thu HĐTC	0.25	0.00		0.50	0.00	5982459%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.15**	**0.20**	**-25.2%**	**0.36**	**0.31**	**15.7%**
LN thuần từ HĐKD	0.28	-0.20	242%	0.41	-0.18	333%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0.00**	**100%**
LN trước thuế	0.28	-0.20	242%	0.41	-0.18	332%
Lợi nhuận sau thuế	**0.23**	**-0.20**	**214%**	**0.33**	**-0.18**	**286%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.23**	**-0.20**	**214%**	**0.33**	**-0.18**	**286%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.50	0.67	76.2	2.57	9.11	12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-45.0	-30.0	-7.78	-20.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.29	2.79	3.46	34.7	7.28	8.61
Lưu chuyển tiền thuần	**2.50**	**0.67**	**31.2**	**-27.4**	**1.33**	**-7.19**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.79	3.46	34.7	7.28	8.61	1.42

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**157**	**155**	**1.1%**
Tài sản ngắn hạn	40.1	80.4	-50.1%
Tiền và tương đương tiền	1.42	7.28	-80.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	38.5	59.8	-35.5%
Hàng tồn kho	0.15	13.3	-98.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn	**117**	**75.0**	**56.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	117	75.0	56.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.00**	**-66.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.26	6.84	20.7%
Nợ ngắn hạn	**8.26**	**6.84**	**20.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.48	0.18	717%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**149**	**149**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**149**	**149**	**0.2%**
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)